

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày: 25/4/2019
V/v **tranh chấp Hợp đồng tín dụng
và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Khởi

Bà Hồ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-KDTM, ngày 19 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp **Hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-KDTM, ngày 08 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-KDTM, ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (sau đây gọi tắt là NH), địa chỉ Số *, đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Kha Cẩm P, sinh năm 1990-Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ; Địa chỉ liên lạc: Số **, đường T, Phường 3, Tp.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy ủy quyền số 26/UQ-SOC.19, ngày 24/4/2019 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963 (đều vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn E, sinh năm 1978 (vắng mặt)
2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1988 (vắng mặt)
3. Ông Trần Văn A, sinh năm 1986 (vắng mặt)
4. Bà Ngô Thị Ánh H, sinh năm 1978 (vắng mặt)
5. Bà Dương Thị Mỹ Ng (Ng), sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số **, ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2018, bảng tính lãi nợ quá hạn ngày 25/4/2019 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bà Kha Cẩm P, trình bày:

Căn cứ Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số SOC.CN.727.181215 ngày 18/12/2015, NH cấp tín dụng cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T bằng Hợp đồng cấp tín dụng số SOC.CN.280.060117 ngày 09/01/2017 và được giải ngân bằng Khế ước nhận nợ số 230032519 ngày 09/01/2017, chi tiết như sau:

- + Số tiền vay : 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*)
- + Số tiền thực tế giải ngân : 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*)
- + Thời hạn vay : 12 tháng, từ ngày 09/01/2017 đến ngày 09/01/2018.
- + Phương thức : Cho vay từng lần
- + Mục đích cho vay : Bỏ sung vốn lưu động-Bỏ sung vốn kinh doanh lò than.

Lãi suất vay được quy định như sau:

- Trong hạn:

+ Lãi suất vay: 12%/năm (*Mười hai phần trăm một năm*)

+ Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất vay (%/năm) = LS13 (%/năm) + 3,0 (%/năm) + X.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 09/01/2018, khoản vay đáo hạn nhưng ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, từ ngày 09/01/2018, NH đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/4/2019, ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T còn nợ NH các khoản sau:

- + Vốn : 85.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn	: 895.556 đồng
+ Lãi quá hạn	: 19.708.000 đồng
Tổng cộng	: 105.603.556 đồng

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp: Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 485, diện tích 4.000m², tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của hộ ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 710268, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00068 QSDĐ/ do Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/6/1994), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SOC.BĐCN.319.181215 được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên, tỉnh Sóc Trăng ngày 21/12/2015, số công chứng 3448, quyển số 13 TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng ngày 21/12/2015, quyển số 01, số thứ tự 1106.

Nay Ngân hàng TMCP X yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T trả ngay cho NH tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày **25/4/2019 là 105.603.556 đồng**, trong đó vốn gốc 85.000.000 đồng, tiền lãi **20.603.556 đồng**.

2. Ông N và bà T tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, kể từ ngày **26/4/2019** đến ngày trả dứt nợ. Ông N và bà T phải trả nợ theo thứ tự sau: Vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

3. Nếu ông N và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì NH có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý (phát mãi) tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 485, diện tích 4.000m², tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của hộ ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị T.

*Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/10/2018, bị đơn ông Trần Văn N trình bày:

Vợ chồng ông (ông và bà Nguyễn Thị T) có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số 703/TB-TLVA, ngày 19/9/2018 của Tòa án. Vợ chồng ông hiện nay thừa nhận còn nợ đối với NH. Vợ chồng ông vay vốn NH để sản xuất kinh doanh lò than và có thế chấp tài sản, nội dung vay vốn và thế chấp tài sản giống như nội dung mà NH đã nêu trong đơn khởi kiện.

Thửa đất số 485, tờ bản đồ số 2, diện tích 4.000m², tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trần Văn Th (N), ngày 20/6/1994, là tài sản chung của vợ chồng ông và đã

thế chấp cho NH để vay 100.000.000 đồng.

Trước yêu cầu khởi kiện của NH, vợ chồng ông cũng đồng ý trả nợ theo phương thức như sau:

- Đầu năm 2019 sẽ trả 20.000.000 đồng.
- Mỗi Quý (03 tháng) tiếp theo sẽ trả 10.000.000 đồng trở lên, cho đến khi dứt nợ.

*Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Mỹ Ng (N) trình bày:

Vào năm 2015, vợ chồng (bà và anh Trần Văn A) cất căn nhà cấp 4 có chiều ngang 05m, chiều dài 16m trên phần đất của cha mẹ chồng cho tại thửa 485, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Nếu ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị T (cha, mẹ chồng) không trả được nợ hết cho NH thì bà đồng ý cho NH xử lý tài sản là nhà và đất mà hiện nay vợ chồng bà đang quản lý, sử dụng.

*Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Ánh H trình bày:

Vào năm 2012, vợ chồng (bà và anh Trần Văn E) cất căn nhà cấp 4 có chiều ngang 3,6m, chiều dài 10m trên phần đất của cha mẹ chồng cho tại thửa 485, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Nếu ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị T (cha, mẹ chồng) không trả được nợ hết cho NH thì bà đồng ý cho NH xử lý tài sản là nhà và đất mà hiện nay vợ chồng bà đang quản lý, sử dụng (giống như ý kiến của bà Dương Thị Mỹ Ng).

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, đối với các đương sự vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

****Về tố tụng:***

[1] Hợp đồng tín dụng ký kết giữa nguyên đơn với các bị đơn đều nhằm mục đích lợi nhận (sản xuất kinh doanh lò than), cho nên tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng này là tranh chấp về kinh doanh, thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, đương sự là các ông, bà Trần Văn N, Nguyễn Thị T, Trần Văn E, Trần Văn A, Trần Văn L, Dương Thị Mỹ Ng và Ngô Ánh H đều vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng họ. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu các bị đơn trả khoản tiền phạt chậm trả. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

****Về nội dung:***

[3] Giữa nguyên đơn với các bị đơn có thỏa thuận và kết ký với nhau Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số SOC.CN.727.181215, ngày 18/12/2015 và Hợp đồng cấp tín dụng số SOC.CN.280.060117 ngày 09/01/2017, theo đó nguyên đơn cho các bị đơn vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm, mục đích vay sản xuất kinh doanh lò than. Các bị đơn không thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho nguyên đơn theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Tính đến ngày 25/4/2019, các bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản sau:

+ Vốn : 85.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn : 895.556 đồng

+ Lãi quá hạn : 19.708.000 đồng

Tổng cộng : 105.603.556 đồng

[4] Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải thanh toán vốn vay và lãi tổng cộng 105.603.556 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các điều 7, 8 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Còn việc các bị đơn xin được trả dần mỗi quý 10.000.000 đồng trở lên cho đến khi hết nợ, nhưng nguyên đơn không đồng ý, cho nên Hội đồng xét

xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của các bị đơn. Tuy nhiên, các bên có thể tiếp tục thỏa thuận phương thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

[5] Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, các bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng phần đất có diện tích 4.000m², tại thửa 485, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp cho hộ ông Trần Văn Th (N), ngày 20/6/1994.

[6] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SOC.BĐCN.319.181215, ngày 21/12/2015 được công chứng tại Văn phòng công chứng Ba Xuyên, tỉnh Sóc Trăng ngày 21/12/2015, số công chứng 3448, quyền số 13 TP/CC-SCC/HĐGD và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cùng ngày 21/12/2015, là có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành, theo quy định tại khoản 2 Điều 292, các điều 295, 298, 299, 317, 318, 319, 323, 325, 327, 500, 501, 502, 503 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điểm a, d khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 và khoản 2 Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017 và được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA, ngày 28/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Vì vậy, trong trường hợp vợ chồng ông N, bà T không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản của NH, cho phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể như sau:

- Buộc vợ chồng ông N, bà T phải chịu: 105.603.556 đồng x 5% = 5.280.000 đồng (đã làm tròn số)

- Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, cho nên chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 750.000đ, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Buộc vợ chồng ông N, bà T phải chịu; NH không phải chịu và được nhận số tiền này do vợ chồng ông N, bà T trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b **khoản 1 Điều 35**, khoản 2 Điều 71, **khoản 2 Điều 92**, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 292**, khoản 1 Điều 466, **các điều 295, 298, 299, 317, 318, 319, 323, 325, 327, 500, 501, 502, 503 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015**;

Khoản 1, các điểm a, d khoản 3 Điều 167, khoản 1 Điều 168 và khoản 2 Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013; Các điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các điều 7, 8 và 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA, ngày 17 tháng 10 năm 2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; **Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 14/12/2017 và được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA, ngày 28/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X, **buộc vợ chồng ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP X tổng số tiền vốn và lãi là 105.603.556 đồng, trong đó tiền vốn 85.000.000 đồng, tiền lãi 20.603.556 đồng.**

2. Vợ chồng ông N, bà T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh, đối với khoản nợ gốc, kể từ ngày 26/4/2019, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP X, theo mức lãi suất mà hai bên đã thoả thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số SOC.CN.280.060117, ngày 09/01/2017.

3. Xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp vợ chồng ông **Trần Văn N, bà Nguyễn Thị T** không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ, Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế

chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với phần đất có diện tích 4.000m², tại thửa 485, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã X, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp cho hộ ông Trần Văn Th (N), ngày 20/6/1994.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị T phải chịu 5.280.000 đồng.

- Ngân hàng TMCP X không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.714.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0004275, ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Ngân hàng TMCP X không phải chịu, buộc vợ chồng ông N, bà T phải chịu 750.000đ đồng, do Ngân hàng TMCP X nộp tạm ứng trước, cho nên cần buộc vợ chồng ông N, bà T phải trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền này.

6. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày Bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng